TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - C** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Phương.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Mai Thị Bích A** – Sinh ngày: 17/10/1995; nơi cư trú: Thôn 9, xã Q, huyện R, tỉnh T (nay là: Thôn 09, xã P, tỉnh T) (có mặt).

CCCD số: 066195015575; ngày cấp: 04/5/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn B** – Sinh ngày: 06/02/1990; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện G, tỉnh H (nay là: Thôn E, xã D, tỉnh C) (vắng mặt lần thứ hai).

CCCD số: 052090016322; ngày cấp: 04/5/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là

Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2025 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị Bích A yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Bích A và anh Nguyễn Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh C) vào ngày 06/5/2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2023, chị và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Mai Thị Bích A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên: Nguyễn Mai M, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Mai N, sinh ngày 24/9/2022, hiện cháu M đang sống với anh B và cháu N đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao cháu M cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Mai Thị Bích A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Mai Thị Bích A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai M, sinh ngày 23/10/2019 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Mai N, sinh ngày 24/9/2022 cho chị Mai Thị Bích A tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị Bích A không yêu cầu, anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Mai Thị Bích A không yêu cầu, anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh không ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí HNST: Chị Mai Thị Bích A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nB anh B vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Bích A và anh Nguyễn Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh C) vào ngày 06/5/2019. Hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2023, chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Ngày 08 tháng 5 năm 2025, chị Mai Thị Bích A làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh B cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh B. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Mai Thị Bích A và anh Nguyễn Văn B đã A trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Bích A là phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị Bích A và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên: Nguyễn Mai M, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Mai N, sinh ngày 24/9/2022, hiện cháu M đang sống với anh B và cháu N đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao cháu M cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào. Anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh B, yêu cầu này của chị A là chính đáng, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Mai Thị Bích A không yêu cầu, anh Nguyễn Văn B cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Mai Thị Bích A phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - C phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Mai Thị Bích A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai M, sinh ngày 23/10/2019 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Mai N, sinh ngày 24/9/2022 cho chị Mai Thị Bích A tiếp tục nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Mai Thị Bích A phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị A đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005395 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - C), nay được khấu trừ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm

yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh C;
- VKSND khu vực 3 - C;
- Phòng THADS khu vực 3 - C;
- UBND xã D, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đức